



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
đã được kiểm toán*

MỤC LỤC	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	06 - 08
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	09
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	10 - 11
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu</i>	12
<i>Thuyết minh báo cáo tài chính</i>	13 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Viettranimex được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy phép số 104/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/02/2009;
- Quyết định số 304/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03/03/2010 về việc thay đổi vốn góp giữa các cổ đông sáng lập;
- Quyết định số 316/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 20/04/2010 về việc đổi tên Công ty;
- Quyết định số 309/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 10/03/2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 325/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 25/05/2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định 621/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03/08/2010 về việc thành lập chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 367/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16/11/2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 185/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16/02/2011 về việc thay đổi người đứng đầu chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 622/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 24/08/2011 về việc thay đổi địa chỉ chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Công văn số 581/2013/SGDHCM-TV ngày 16/04/2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh từ ngày 02/05/2013;
- Công văn số 487/SGDHN-QLTV ngày 22/04/2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 02/05/2013;
- Quyết định số 31/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16/07/2013 về việc thay đổi người đại diện pháp luật;
- Quyết định số 33/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06/08/2013 về việc thay đổi trụ sở chính;
- Quyết định số 462/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06/08/2013 về việc thay đổi tên và địa chỉ chi nhánh;
- Quyết định số 08/2013/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/09/2013 về việc chấm dứt tư cách Thành viên giao dịch của Công ty từ ngày 20/09/2013;
- Quyết định số 464/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 20/09/2013 về việc chấm dứt tư cách Thành viên giao dịch của Công ty từ ngày 20/09/2013.

Vốn điều lệ của Công ty là **125.000.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Môi giới chứng khoán. Tự doanh chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 11, Tòa nhà LienVietPostBank, 2A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có chi nhánh Hà Nội tại địa chỉ tầng 23, Tòa nhà Thủ Đô, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2014





Số: 157/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24/03/2014 từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo thông tin trình bày tại mục VII.5 bản thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã ký các hợp đồng hợp tác kinh doanh cổ phần Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec Group), tổng giá trị 32,5 tỷ đồng (đã nhận tiền khắc phục hậu quả 2.336.000.000 đồng). Khoản đầu tư này đang được ghi nhận là khoản đầu tư ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán và chưa trích lập dự phòng do không có giá tham chiếu đáng tin cậy (xem thuyết minh V.3). Chúng tôi cũng không thể thu thập được các tài liệu hay thông tin để có thể xác định được giá trị cần trích lập dự phòng của khoản đầu tư này do vậy không thể đánh giá được ảnh hưởng của việc này tới báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Phó Giám đốc



Nguyễn Minh Tiến

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0547-2013-152-1

Kiểm toán viên

Lê Hồng Đào

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2014



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	100		108.121.502.862	358.375.837.900
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30.885.786.038	23.297.934.734
1. Tiền	111		1.885.786.038	23.297.934.734
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.3	44.000.000.000	298.547.504.399
1. Đầu tư ngắn hạn	121		44.000.000.000	301.248.731.210
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(2.701.226.811)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.4	31.014.287.568	34.079.772.718
1. Phải thu khách hàng	131		36.239.387.838	27.936.280.638
2. Trả trước cho người bán	132		151.253.089	27.018.750
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		-	662.692.484
4. Phải thu khác	138		13.710.919.337	24.396.241.042
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(19.087.272.696)	(18.942.460.196)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.221.429.256	2.450.626.049
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	366.194.817	645.877.342
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	60.011.037
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	1.855.234.439	1.744.737.670
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.764.669.553	323.242.583.068
I. Tài sản cố định	220	V.7	6.076.058.095	11.462.907.584
1. Tài sản cố định hữu hình	221		2.180.548.920	4.226.546.856
- Nguyên giá	222		6.212.934.059	9.096.811.416
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.032.385.139)	(4.870.264.560)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	3.895.509.175	7.236.360.728
- Nguyên giá	228		15.039.690.564	15.025.770.697
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.144.181.389)	(7.789.409.969)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	-	310.442.463.000
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		-	310.442.463.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		688.611.458	1.337.212.484
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	236.868.320	793.353.581
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.11	330.754.626	330.754.626
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	120.988.512	213.104.277
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		114.886.172.415	681.618.420.968

388
NG T
HIỆM H
VỤ T
NH K
LIÊM T
M VU
P. HỒ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.976.064.431	582.484.937.508
I. Nợ ngắn hạn	310		11.935.088.455	11.945.961.532
1. Phải trả người bán	312		61.160.000	61.160.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	24.855.532	68.442.743
3. Phải trả người lao động	315		232.887.809	26.165.906
4. Chi phí phải trả	316	V.14	54.343.787	-
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	2.438.467.231	7.467.522.515
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.16	607.155.605	3.402.248.758
7. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		8.464.197.365	120.500
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		52.021.126	52.021.126
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	868.279.984
II. Nợ dài hạn	330		40.975.976	570.538.975.976
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.17	40.975.976	38.975.976
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	-	570.500.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		102.910.107.984	99.133.483.460
I. Vốn chủ sở hữu	410		102.910.107.984	99.133.483.460
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.19	125.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		39.210.563	39.210.563
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		78.421.126	78.421.126
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(22.207.523.705)	(25.984.148.229)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		114.886.172.415	681.618.420.968



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
1. Chứng khoán lưu ký	006		671.094.680.000	1.604.578.210.000
Trong đó:				
1.1. Chứng khoán giao dịch	007		621.092.860.000	1.602.744.040.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		-	1.105.500.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		621.092.860.000	1.601.638.540.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		1.620.000	30.070.000
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		1.620.000	30.070.000
1.3. Chứng khoán cầm cố	017		50.000.000.000	-
1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		50.000.000.000	-
1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	027		-	1.804.100.000
1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		-	1.804.100.000
1.5. Chứng khoán chờ giao dịch	037		200.000	-
1.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		200.000	-



Trần Lan Hương

Kế toán trưởng

Tp.HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2014



Nguyễn Thị Bích Hồng

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu	01		44.530.506.151	108.095.717.202
Trong đó:				
- DT hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		17.380.521.735	14.486.435.040
- DT hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		23.117.211.984	89.496.242.184
- DT bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- DT đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	276.363.636
- DT hoạt động tư vấn	01.5		514.545.454	281.818.182
- DT lưu ký chứng khoán	01.6		428.751.907	526.496.215
- DT hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
- DT cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	14.181.818
- DT khác	01.9	VI.1	3.089.475.071	3.014.180.127
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		44.530.506.151	108.095.717.202
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.2	32.294.552.529	107.275.278.421
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		12.235.953.622	820.438.781
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.3	8.212.136.029	10.612.645.085
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.023.817.593	(9.792.206.304)
8. Thu nhập khác	31	VI.4	1.348.978.904	567.362.776
9. Chi phí khác	32	VI.5	1.596.171.973	2.175.000.210
10. Lợi nhuận khác	40		(247.193.069)	(1.607.637.434)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.776.624.524	(11.399.843.738)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.6	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.776.624.524	(11.399.843.738)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	302	(912)



Trần Lan Hương
 Kế toán trưởng

Tp.HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2014



Nguyễn Thị Bích Hồng
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01		23.311.484.073	4.863.203.059
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02		(3.468.055.714)	(3.429.260.794)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05		-	(139.575.380)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06		757.864.613.505	578.566.878.895
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07		(746.350.370.419)	(571.972.389.534)
7. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10		(1.767.255.567)	(2.215.484.667)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11		(3.129.655.796)	(3.662.779.561)
10. Tiền chi trả lãi vay	12		(24.150.328.533)	(101.190.389.489)
11. Tiền thu khác	14		3.227.095.322	4.254.983.777
12. Tiền chi khác	15		(5.486.421.998)	(9.606.809.632)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		51.104.873	(104.531.623.326)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(991.573.874)	(1.057.604.393)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.483.149.669	497.784.820
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(102.862.500.127)	(1.358.724.548.408)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		658.516.809.579	1.390.750.243.750
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.890.861.184	106.582.082.319
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu	30		578.036.746.431	138.047.958.088

03097
C
TRÁCH
DỊCH
TÀI CH
VÀ
NH
1

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(theo phương pháp trực tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài				
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(570.500.000.000)	(17.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài</i>	<i>40</i>		<i>(570.500.000.000)</i>	<i>(17.000.000.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.587.851.304	16.516.334.762
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	23.297.934.734	6.781.599.972
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	30.885.786.038	23.297.934.734

Trần Lan Hương

Kế toán trưởng

Tp.HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2014



Nguyễn Thị Bích Hồng

Tổng Giám đốc

1388
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
VỤ TƯ
HÀNH KẾ
KIỂM T
M VI
P. HC

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
	VND	VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND	VND	VND
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	125.000.000.000	125.000.000.000	-	-	-	-	125.000.000.000	125.000.000.000
2 Quỹ Đầu tư phát triển	39.210.563	39.210.563	-	-	-	-	39.210.563	39.210.563
3 Quỹ Dự phòng tài chính	78.421.126	78.421.126	-	-	-	-	78.421.126	78.421.126
4 LN chưa phân phối	(14.584.304.491)	(25.984.148.229)	-	(11.399.843.738)	3.776.624.524	-	(25.984.148.229)	(22.207.523.705)
Cộng	110.533.327.198	99.133.483.460	-	(11.399.843.738)	3.776.624.524	-	99.133.483.460	102.910.107.984



Trần Lan Hương

Kế toán trưởng

Tp.HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2014




Nguyễn Thị Bích Hồng

Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Viettranimex được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy phép số 104/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 02 năm 2009;
- Quyết định số 304/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03 tháng 03 năm 2010 về việc thay đổi vốn góp giữa các cổ đông sáng lập;
- Quyết định số 316/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 20 tháng 04 năm 2010 về việc đổi tên Công ty;
- Quyết định số 309/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 10 tháng 03 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 325/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 25 tháng 05 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định 621/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03 tháng 08 năm 2010 về việc thành lập chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 367/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 185/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 02 năm 2011 về việc thay đổi người đứng đầu chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 622/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 24 tháng 08 năm 2011 về việc thay đổi địa chỉ chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Công văn số 581/2013/SGDHCM-TV ngày 16 tháng 04 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh từ ngày 02 tháng 05 năm 2013;
- Công văn số 487/SGDHN-QLTV ngày 22 tháng 04 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 02 tháng 05 năm 2013;
- Quyết định số 31/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 07 năm 2013 về việc thay đổi người đại diện pháp luật;
- Quyết định số 33/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06 tháng 08 năm 2013 về việc thay đổi trụ sở chính;
- Quyết định số 462/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06 tháng 08 năm 2013 về việc thay đổi tên và địa chỉ chi nhánh;
- Quyết định số 08/2013/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/09/2013 về việc chấm dứt tư cách Thành viên giao dịch của Công ty từ ngày 20/09/2013;
- Quyết định số 464/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 20/09/2013 về việc chấm dứt tư cách Thành viên giao dịch của Công ty từ ngày 20/09/2013.

Vốn điều lệ của Công ty là **125.000.000.000** đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 11, Tòa nhà LienVietPostBank, 2A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có chi nhánh Hà Nội tại địa chỉ tầng 23, Tòa nhà Thủ Đô, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Chứng khoán.
3. **Ngành nghề kinh doanh:** Môi giới chứng khoán. Tự doanh chứng khoán.
4. **Tổng số nhân viên:** 21 người, trong đó 11 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán theo:

- Quyết định số 15/2003/QĐ-BTC ngày 20 tháng 06 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn, kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán;
- Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây:

Ngày 25/04/2013, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/06/2013 và áp dụng từ năm tài chính năm 2013. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Công ty đã áp dụng Thông tư 45 và thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư này cho năm hiện hành.

2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc. Giá vốn chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

5. Nguyên tắc trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi, giảm giá chứng khoán và đầu tư tài chính khác

Dự phòng phải thu khó đòi, giảm giá chứng khoán và đầu tư tài chính khác được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tăng giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán (chứng khoán tự doanh) được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

3052
CỔ
TRÁCH N
DỊCH
TÀI CHÍNH
VÀ K
NA
VI-T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Nguyên tắc trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi, giảm giá chứng khoán và đầu tư tài chính khác (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tối thiểu của ba (03) công ty chứng khoán tại ngày trích lập dự phòng;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính khác được lập cho từng khoản đầu tư căn cứ vào ước tính khả năng thu hồi của từng khoản đầu tư tài chính so với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư tài chính này.

Tăng giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá đầu tư được phản ánh vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Máy móc thiết bị	03 - 05 năm
Phương tiện vận tải	07 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Tài sản cố định khác	03 năm
Phần mềm máy tính	05 năm
Tài sản cố định vô hình khác	03 - 05 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thuê văn phòng;
- Chi phí sửa chữa văn phòng;
- Chi phí dịch vụ viễn thông;
- Chi phí chờ phân bổ khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được phân bổ trong khoảng từ 3 đến 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

9. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất hoặc dựa trên các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán và lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

11. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

14. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả trước, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền	1.885.786.038	23.297.934.734
Tiền mặt	9.058.765	34.985.391
Tiền gửi ngân hàng	1.876.727.273	23.262.949.343
Trong đó:		
<i>Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	<i>633.218.112</i>	<i>2.786.630.133</i>
Tương đương tiền	29.000.000.000	-
Cộng	30.885.786.038	23.297.934.734

2. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a) Cửa công ty chứng khoán	110.500	243.100.000
- Cổ phiếu	110.500	243.100.000
b) Cửa nhà đầu tư	-	-
- Cổ phiếu	-	-
Cộng	110.500	243.100.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
I. Chứng khoán thương mại	-	3.032.726.811
- Cổ phiếu niêm yết	-	3.032.726.811
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-
II. Đầu tư ngắn hạn khác	44.000.000.000	298.216.004.399
Hợp đồng hợp tác đầu tư cổ phiếu LPB	-	243.095.301.274
Hợp tác đầu tư khác	32.500.000.000	55.120.703.125
+ Cty CP XNK Á Châu	-	22.620.703.125
+ Cổ phiếu đầu tư (Cotec Group) (*)	32.500.000.000	32.500.000.000
+ Cty Him Lam Thủ Đức	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	11.500.000.000	-
III. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(2.701.226.811)
- Cổ phiếu niêm yết	-	(2.701.226.811)
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	44.000.000.000	298.547.504.399

(*) Hợp tác đầu tư cổ phiếu "Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng" (Cotec Group) tổng giá trị đầu tư 32,5 tỷ đồng. Công ty chưa trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này do không có giá tham chiếu đáng tin cậy. Khoản đầu tư này liên quan đến vụ kiện Ông Hoàng Xuân Quyến - Nguyên Tổng Giám đốc Công ty về việc ông đã vượt thẩm quyền khi ký kết các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán mà chưa có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị, xem cụ thể tại Thuyết minh số VII.5.

(**) Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 8,5%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Tầng 11, Tòa nhà LienVietPostBank, 2A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b. Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư bị giảm giá/ rủi ro***Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm
					Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		
I. Chứng khoán thương mại	-	110.500	-	3.032.726.811	-	-	-	(2.701.226.811)	-	331.500.000
1. Cổ phiếu niêm yết										
NTB	-	110.500	-	3.032.726.811	-	-	-	(2.701.226.811)	-	331.500.000
II. Đầu tư ngắn hạn khác			44.000.000.000	298.216.004.399	-	-	-	-	44.000.000.000	298.216.004.399
Cộng	-	110.500	44.000.000.000	301.248.731.210	-	-	-	(2.701.226.811)	44.000.000.000	298.547.504.399

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Tầng 11, Tòa nhà LienVietPostBank, 2A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**4. CÁC KHOẢN PHẢI THU***Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Tổng số	Số cuối năm		Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	(Giảm)		Số quá hạn	Số khó đòi	
- Phải thu của khách hàng	27.936.280.638	27.936.280.638	27.936.280.638	29.712.346.074	(21.409.238.874)	36.239.387.838	13.209.180.638	13.209.180.638	8.659.180.638
- Trả trước cho người bán	27.018.750	-	-	146.234.339	(22.000.000)	151.253.089	-	-	-
+ Ngắn hạn	27.018.750	-	-	146.234.339	(22.000.000)	151.253.089	-	-	-
+ Dài hạn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	662.692.484	-	-	8.694.482.404	(9.357.174.888)	-	-	-	-
+ Phải thu Sở GDCK	-	-	-	438.372.725	(438.372.725)	-	-	-	-
+ Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	662.692.484	-	-	8.256.109.679	(8.918.802.163)	-	-	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ	60.011.037	-	-	-	(60.011.037)	-	-	-	-
- Phải thu khác	24.396.241.042	-	-	31.429.855.797	(42.115.177.502)	13.710.919.337	12.754.092.058	10.428.092.058	10.428.092.058



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền thuê văn phòng	27.381.585	621.275.636
Dịch vụ viễn thông	-	-
Chi phí sửa chữa văn phòng	56.386.185	-
Chi phí chờ phân bổ khác	282.427.047	24.601.706
Cộng	366.194.817	645.877.342

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	1.842.084.439	1.734.737.670
Ký quỹ thẻ taxi	13.150.000	10.000.000
Cộng	1.855.234.439	1.744.737.670



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Tầng 11, Tòa nhà LienVietPostBank, 2A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**7. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.610.208.500	1.971.200.000	5.496.902.916	18.500.000	9.096.811.416
Mua trong năm	-	978.350.000	-	-	978.350.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.971.200.000)	(438.425.568)	-	(2.409.625.568)
Giảm khác (*)	(174.791.500)		(1.259.310.289)	(18.500.000)	(1.452.601.789)
Số dư cuối năm	1.435.417.000	978.350.000	3.799.167.059	-	6.212.934.059
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	826.418.740	770.007.873	3.262.532.389	11.305.558	4.870.264.560
Khấu hao trong năm	320.433.148	143.670.966	1.046.817.618	6.166.665	1.517.088.397
Thanh lý, nhượng bán	-	(864.818.708)	(279.147.246)	-	(1.143.965.954)
Giảm khác (*)	(142.060.003)	-	(1.051.469.638)	(17.472.223)	(1.211.001.864)
Số dư cuối năm	1.004.791.885	48.860.131	2.978.733.123	-	4.032.385.139
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	783.789.760	1.201.192.127	2.234.370.527	7.194.442	4.226.546.856
Tại ngày cuối năm	430.625.115	929.489.869	820.433.936	-	2.180.548.920

(*) Chuyển sang công cụ dụng cụ các tài sản không đủ tiêu chuẩn TSCĐ theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	13.749.708.387	1.276.062.310	15.025.770.697
Tăng trong năm	13.919.867	-	13.919.867
Số dư cuối năm	13.763.628.254	1.276.062.310	15.039.690.564
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.004.497.338	784.912.631	7.789.409.969
Khấu hao trong năm	3.013.124.522	341.646.898	3.354.771.420
Số dư cuối năm	10.017.621.860	1.126.559.529	11.144.181.389
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	6.745.211.049	491.149.679	7.236.360.728
Tại ngày cuối năm	3.746.006.394	149.502.781	3.895.509.175

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH BĐS Việt Phú An	-	15.942.463.000
Công ty TNHH H.T.H	-	294.500.000.000
Cộng	-	310.442.463.000

Khoản đầu tư dài hạn là khoản hợp tác kinh doanh chứng khoán LPB (chứng khoán Ngân hàng TMCP Liên Việt) với các đối tác. Khoản đầu tư này đã được tất toán trong năm.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa văn phòng HCM	210.971.419	754.906.704
Chi phí chờ phân bổ khác	25.896.901	38.446.877
Cộng	236.868.320	793.353.581



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	298.643.023	298.643.023
Tiền nộp bổ sung	-	-
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	32.111.603	32.111.603
Cộng	330.754.626	330.754.626

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	120.988.512	213.104.277
Cộng	120.988.512	213.104.277

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	24.855.532	51.959.393
Các loại thuế khác	-	16.483.350
Cộng	24.855.532	68.442.743

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí hoạt động	26.843.787	-
Chi phí phải trả khác	27.500.000	-
Cộng	54.343.787	-

31/12/2013
CÔNG TY
CHỨNG KHOÁN
LIÊN VIỆT
VỤ TỰ
NH KẾ
TÍNH TỐ
M VII
P.HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

a. Tình hình biến động các khoản vay trong kỳ

Chỉ tiêu	Lãi suất	Số dư	Số vay	Số trả	Số dư
		đầu năm	trong năm	trong năm	cuối năm
		VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng					
+ Mục đích: bổ sung vốn lưu động	12,3% - 14,2%/năm	570.500.000.000	-	(570.500.000.000)	-
+ Thời hạn: 3 năm					
Cộng		570.500.000.000	-	(570.500.000.000)	-

b. Chi tiết số dư

Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Liên Việt	-	570.500.000.000
Cộng	-	570.500.000.000

Công ty phát hành trái phiếu theo các hợp đồng mua trái phiếu với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt (LPB) mục đích tài trợ cho việc kinh doanh cổ phiếu trên thị trường. Trái phiếu có mệnh giá 1.000.000 đồng, thời hạn 3 năm, lãi suất quy định là lãi suất huy động tiết kiệm thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của LPB cộng với lãi biên và lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Trong năm, Công ty đã mua lại 570.500 trái phiếu.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	31/12/2013		01/01/2013	
	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Him Lam	80.000.000.000	64,00	80.000.000.000	64,00
Ngân hàng TMCP Liên Việt	13.750.000.000	11,00	13.750.000.000	11,00
Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	18.750.000.000	15,00		
Ông Phan Hữu Tuấn	12.500.000.000	10,00	12.500.000.000	10,00
Công ty CP XNK Việt Trang			18.750.000.000	15,00
Cộng	125.000.000.000	100,00	125.000.000.000	100,00

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU KHÁC

Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	1.386.118.449	1.123.595.308
Doanh thu khác	1.703.356.622	1.890.584.819
Cộng	3.089.475.071	3.014.180.127

2. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí môi giới kinh doanh	18.232.796	61.461.656
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	6.660.329.936	220.857.020
Chi phí hoạt động tư vấn	1.300.000.000	558.000.000
Chi phí lưu ký chứng khoán	436.013.584	396.982.083
Chi phí dự phòng	(2.701.226.811)	16.572.683.558
Chi phí khác	26.581.203.024	89.465.294.104
Cộng	32.294.552.529	107.275.278.421

3. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	4.267.411.225	4.280.934.424
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	149.341.460	3.198.952.844
Chi phí khấu hao TSCĐ	146.965.909	132.033.231
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả	144.812.500	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.926.011.175	2.996.428.586
Chi phí khác bằng tiền	573.593.760	296.000
Cộng	8.212.136.029	10.612.645.085

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. THU NHẬP KHÁC

Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý TSCĐ	1.136.783.640	518.101.650
Thu nhập khác	212.195.264	49.261.126
Cộng	1.348.978.904	567.362.776

5. CHI PHÍ KHÁC

Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý TSCĐ	1.265.659.613	2.126.089.082
Chi phí khác	330.512.360	48.911.128
Cộng	1.596.171.973	2.175.000.210

6. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán (1)	3.776.624.524	(11.399.843.738)
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN (4) = (1) + (2) - (3)	3.776.624.524	(11.399.843.738)
Chuyển lỗ từ năm trước (5)	(3.776.624.524)	-
Thu nhập tính thuế (6) = (4) + (5)	-	-
Thuế suất (7)	25%	25%
Thuế TNDN hiện hành (8) = (6) * (7)	-	-

Thuế thu nhập hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ từ các khoản lỗ tính thuế chuyển sang các năm sau chưa được ghi nhận vì không có các đảm bảo chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng các khoản lỗ tính thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)	3.776.624.524	(11.399.843.738)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (3) = (1) + (2)	3.776.624.524	(11.399.843.738)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5) = (3)/(4)	302	(912)

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Liên Việt Holdings	Cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Khải Hưng (*)	Cùng thành viên HĐQT

(*) Kể từ ngày 04/06/2013, Công ty và Công ty TNHH Khải Hưng không còn là các bên liên quan.

Những giao dịch của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Các bên liên quan/ Giao dịch phát sinh	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Liên Việt Holdings		
- Phí giao dịch môi giới chứng khoán	5.294.954	-
- Giải ngân hợp đồng hợp tác đầu tư	-	177.946.460.510
- Thu nợ hợp đồng hợp tác đầu tư	27.482.379.000	421.067.221.510
- Thu lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư	879.436.128	30.079.855.874
- Thanh lý TSCĐ	-	25.678.531
- Bán cổ phiếu tự doanh	-	16.890.620.010
Công ty TNHH Khải Hưng		
- Thu nợ hợp đồng hợp tác đầu tư	56.250.000.000	-
- Thu lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư	4.128.372.223	-
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thù lao	827.528.571	818.500.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

1. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư công nợ phải thu/(phải trả) của các bên có liên quan

Các bên liên quan	31/12/2013
	VND
Công ty TNHH Khải Hưng	136.729.000

2. THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

Năm nay	Hoạt động môi giới VND	Hoạt động đầu tư VND	Hoạt động khác VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	17.380.521.735	23.117.211.984	4.032.772.432	44.530.506.151
Chi phí trực tiếp	18.232.796	3.959.103.125	-	3.977.335.921
Các chi phí không phân bỏ				36.529.352.637
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				4.023.817.593
Thu nhập khác				1.348.978.904
Chi phí khác				1.596.171.973
Lợi nhuận trước thuế				3.776.624.524
Chi phí thuế TNDN				-
Lợi nhuận sau thuế				3.776.624.524

Thông tin về tài sản bộ phận và nợ bộ phận : Công ty không tách riêng tài sản và nợ theo bộ phận.

3. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan: Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính là:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

c) *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

d) *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

e) Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long TDK.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. THÔNG TIN KHÁC

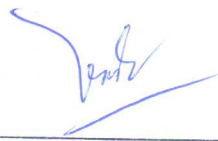
Ngày 01/06/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội đã có thông báo số 853 về việc “Khởi tố và tạm giam bị can” đối với ông Hoàng Xuân Quyến – Nguyên Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt về hành vi “tự ý ký 2 hợp đồng huy động vốn với Ngân hàng TMCP Tiên Phong và 3 hợp đồng hợp tác đầu tư (repo) cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec Group) không đúng thẩm quyền, làm trái quy định và điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt gây thiệt hại đặc biệt lớn đến tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt”.

Cụ thể, ông Hoàng Xuân Quyến đã ký 3 hợp đồng hợp tác kinh doanh cổ phần số HTKD2501-01/LVS-KH (ngày 25/1/2011), HTKD1502-01/LVS-KH (ngày 15/02/2011), HTKD1502-02/LVS-KH (ngày 15/02/2011) với lần lượt Bà Trần Thị Huệ Chi, Ông Nguyễn Đức Hoàn, Ông Bùi Hoàng Giang để mua 3.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec Group). Tổng số tiền đầu tư là 32,5 tỷ đồng. Tuy nhiên, theo Điều lệ Công ty và các ủy quyền liên quan, ông Hoàng Xuân Quyến chỉ được ký kết các hợp đồng này khi Hội đồng quản trị thông qua. Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng cho rằng trong điều khoản của hợp đồng có sự sửa chữa so với các loại hợp đồng cùng loại của Công ty, gây bất lợi cho Công ty.

Biên bản làm việc giữa Công ty và Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ thuộc Công an Thành phố Hà Nội ngày 15/05/2012 với nội dung như sau:

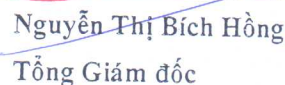
- Công ty yêu cầu ông Hoàng Xuân Quyến và các bên có liên quan (ông Trần Tự Thành, ông Đỗ Quang Minh, ông Nguyễn Đức Hoàn) do đã vi phạm thẩm quyền, dẫn đến gây hậu quả nghiêm trọng phải trả cho Công ty tổng số tiền 40.658.381.944 đồng, bao gồm 32.500.000.000 đồng tiền gốc và 8.158.381.944 đồng tiền lãi ước tính sử dụng vốn không hiệu quả (lãi ước tính chưa ghi nhận vào báo cáo tài chính). Đến thời điểm này, các bên nêu trên đã tự nguyện nộp vào Công ty số tiền 2.336.000.000 đồng để tạm thời khắc phục hậu quả. Số tiền còn phải nộp là 38.822.381.944 đồng;
- Sau khi trả đủ tiền, Công ty sẽ trả lại 3.000.000 cổ phiếu Cotec Group cho các bên nêu trên.

Tuy nhiên, do hợp đồng được ký kết vượt thẩm quyền nên có thể hợp đồng sẽ vô hiệu, khi đó việc xử lý các quyền và nghĩa vụ giữa các bên có thể sẽ thay đổi. Đến thời điểm lập báo cáo này, sự việc đã được cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị truy tố. Hiện Công ty vẫn đang ghi nhận đây là khoản đầu tư ngắn hạn trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty và chưa ghi nhận các ảnh hưởng về tài chính liên quan đến khoản đầu tư này vào báo cáo tài chính. Được sự đồng ý của các cơ quan chức năng, Công ty đã và đang tiến hành bán đấu giá khoản đầu tư cổ phiếu nêu trên để thu hồi tài sản và ước tính thiệt hại. Theo thông báo của Công ty Cổ phần bán đấu giá Nhân Văn, phiên bán đấu giá tài sản ngày 10/03/2014 không thành công (phiên thứ 5). Và tính đến thời điểm lập báo cáo này, chưa phát sinh thêm phiên bán đấu giá kế tiếp.



Trần Lan Hương
Kế toán trưởng

Tp.HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2014



Nguyễn Thị Bích Hồng
Tổng Giám đốc

